

Bản án số: 252/2021/HC-PT
Ngày 06 tháng 5 năm 2021
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về giải
quyết tranh chấp đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 617/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 749/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 738/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Thanh S, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số 13 Tam Đ, phường Trường Th, quận C (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/ Ông Nguyễn Gia H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Thủ Đức (có mặt);

2/ Ông Trần Thế Kh – Phó Trưởng phòng Tư pháp Thành phố Thủ Đức (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số 102 Huỳnh Văn L, phường Phú L, Thành phố Thủ Đức M, tỉnh Bình Dương;

2/ Ông Huỳnh Minh S1, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 104 Huỳnh Văn L, phường Phú L, Thành phố Thủ Đức M, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Minh S1: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1546/1 Nguyễn Duy Tr, tổ M, khu phố Tam Đ, phường Long Tr, quận C (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13 Tam Đ, phường Trường Th, quận C (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phương D: Ông Võ Thanh S, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 13 Tam Đ, phường Trường Th, quận C (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Võ Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện – ông Võ Thanh S trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích 2.725m² thuộc một phần các thửa 31, 33 tờ Bản đồ số 3, xã Long Tr (Tài liệu 299/TTg); tương ứng với một phần các thửa 939, 949 và một phần rạch, tờ bản đồ số 8 xã Long Tr (Tài liệu 02/CT-UB); tương ứng với thửa 42, tờ Bản đồ số 37, phường Long Tr (Tài liệu 2004) (gọi là Khu đất).

Ngày 07/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND (Quyết định 32/QĐ-UBND) về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C và ông Võ Thanh S. Tại Điều 1 của Quyết định số 32/QĐ-UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C đã quyết định như sau “ - *Buộc ông Võ Thanh S phải trả lại phần diện tích đất tranh chấp cho ông Huỳnh Văn C. Tuy nhiên, gia đình ông S có quá trình cải tạo diện tích đất tranh chấp từ khoảng năm 1993 cho đến nay. Đồng thời hiện nay gia đình ông Võ Thanh S không có phần đất nào khác để ổn định sinh sống. Do đó, xem xét*

công nhận cho ông Võ Thanh S quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần nhà, đất có diện tích 205,8m² trên phần đất tranh chấp thể hiện ở vị trí số (2); (3); (4); (5) theo Bản vẽ hiện trạng số 19228/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 23/03/2015.

- Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất cho ông Huỳnh Văn C đối với phần đất tranh chấp có diện tích 2.519,2m²(2.725m² - 205,8m²) thuộc một phần các thửa 31, 33 tờ Bản đồ số 3 xã Long Tr (Tài liệu 299/TTg); tương ứng với một phần các thửa 939, 949 và một phần rạch, tờ bản đồ số 8 xã Long Tr (Tài liệu 02/CT-UB); tương ứng với thửa 42, tờ Bản đồ số 37, phường Long Tr (Tài liệu 2004) thể hiện ở vị trí số (1) theo Bản vẽ hiện trạng số 19228/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 23/03/2015.

- Ông Huỳnh Văn C, ông Võ Thanh S phải tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất được công nhận theo quy định pháp luật...”

Không chấp nhận nội dung quyết định này, ông S thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án.

** Tại Đơn khởi kiện ngày 15/01/2017; Bản tự khai ngày 06/7/2018 và các Biên bản không tiến hành đối thoại được, người khởi kiện ông Võ Thanh S yêu cầu hủy Quyết định 32/QĐ-UBND với các lý do:*

Cha ông tên Võ Văn C1 được ông Lê Văn X cho sử dụng khu đất trên từ năm 1990, trong quá trình sử dụng cha ông đã canh tác nuôi vịt, cắt chòi lá để ở, trong khu đất có phần đất biên, cha ông đào đắp bờ để nuôi cá. Gia đình ông canh tác và sử dụng khu đất từ đó cho đến nay và có đăng ký sử dụng theo Công văn số 9608/VPĐK-KT ngày 05/7/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, khi đăng ký cha ông đã sử dụng tên Võ Văn C2.

Trong Quyết định 32/QĐ-UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C chưa xác định đúng thực tế về nguồn gốc sử dụng đất; chưa làm rõ sự mâu thuẫn trong việc đăng ký theo Tài liệu 299/TTg và thời gian trực tiếp sử dụng khu đất của bà Nh và ông C2; Việc xác định diện tích tranh chấp chưa chính xác, có chênh lệch; Xác định sai đối tượng tranh chấp là ông Huỳnh Văn C, ông C2 là hàng thừa kế thứ 2 không có quyền tranh chấp vì hàng thừa kế thứ 1 vẫn còn; Áp dụng pháp luật không phù hợp. Khu đất trên do ông X cho cha ông sử dụng sau khi Tập đoàn giải thể, hoàn toàn gia đình ông không chiếm đất, trong quá trình sử dụng ông đã cất nhà không bị ai tranh chấp. Quyết định 32/QĐ-UBND làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C và ông Nguyễn Văn Th là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C trình bày:

Theo trích sao Sổ địa bộ số 110/TS-VPĐK-LT ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố, khu đất thuộc một phần thửa 154 tờ Bản đồ số 5 (Tài liệu cũ trước năm 1975) xã Long Tr do ông Huỳnh Văn Tr là cha của bà Huỳnh Thị Nh đứng bộ. Theo các tài liệu:

- Tài liệu 299/TTg: do Ủy ban nhân dân xã Long Tr tạm đăng ký quản lý;
- Tài liệu 02/CT-UB: do ông Lê Văn Ch và ông Lê Tấn Th đăng ký;
- Tài liệu 2004: có tên Huỳnh Văn Nh và Võ Văn C2 trong sổ dã ngoại. Theo Biên bản xác minh ngày 13/6/2017 thì tên Huỳnh Văn Nh là Huỳnh Thị Nh và là mẹ của ông Huỳnh Văn C; tên Võ Văn C2 là Võ Văn C1 và là cha của ông Võ Thanh S.

Ngày 30/6/2014, ông Lê Văn Ch có Bản cam kết là đăng ký nhằm thửa 939, ông Ch chết năm 2015, những người thừa kế của ông Ch không có đơn tranh chấp. Tại Biên bản làm việc ngày 01/3/2016, ông Lê Tấn Th cho biết ông không sử dụng và không có liên quan đến khu đất đang tranh chấp.

Khu đất có nguồn gốc do ông Lê Văn L canh tác từ năm 1919, đến năm 1956 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Tr. Năm 1967, bà Huỳnh Thị Nh và ông Huỳnh Văn C đồng ý cho ông Lê Văn X xin canh tác giữ đất. Ông X canh tác đến năm 1977 đưa vào Tập đoàn số 1 để sản xuất, sau đó Tập đoàn giao lại cho ông Võ Ngọc Đ canh tác. Đến năm 1990 Tập đoàn giải thể, ông X tiếp tục canh tác. Năm 1993, ông X trả lại cho ông C2 và bà Nh canh tác. Trong năm 1993, ông Võ Văn C1 liên hệ với bà Nh và ông C2 sử dụng phần đất tranh chấp nuôi vịt. Ông C1 sử dụng đến năm 2002 chết để lại cho ông Võ Thanh S tiếp tục sử dụng. Đến năm 2005, ông S tự xây dựng 01 căn nhà lá với diện tích khoảng 40m² để ở. Ngày 11/9/2011, ông Huỳnh Văn C có đơn xin xác nhận nguồn gốc khu đất và được nhiều hộ dân đồng ý xác nhận và ngày 20/7/2013, nhiều hộ dân xác nhận lại Khu đất do bà Huỳnh Thị Nh sử dụng.

Tại các Biên bản làm việc ngày 06/4/2015 và ngày 16/03/2016, đại diện của ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh S không xác định được nguồn gốc quá trình sử dụng Khu đất trước năm 1990, chỉ xác định gia đình nuôi vịt từ năm 1990 đến nay. Tại Biên bản hòa giải ngày 08/4/2016 giữa ông Võ Thanh S và đại diện của ông Huỳnh Văn C, ông Võ Thanh S không có giấy tờ chứng minh về gốc, quá trình sử dụng đất của mình.

Sau giải phóng gia đình ông Thanh S sống tại căn nhà số 11 đường 33 (nay là Nguyễn Duy Tr) ấp Tam B, xã Long Tr, sau đó mới chuyển nhượng căn nhà này dọn về căn nhà số 7/32 khu phố Phước L, phường Long Tr sinh sống và đến năm 2010, ông S cũng bán luôn căn nhà này chuyển về sinh sống tại khu đất cho đến nay.

Hiện trạng khu đất là 02 cái ao; 01 căn nhà vách lá; mái tôn do gia đình ông S đang ở được xây dựng vào năm 2005 với diện tích 120,8m² (thể hiện tại vị trí (3) và (4) theo Bản vẽ hiện trạng 19228/DĐBĐ-CNTĐ ngày 23/03/2015); 01 căn nhà tường gạch, mái tôn do ông S xây dựng từ khoảng năm 2003 với diện tích 46,1m² do con của ông S ở (thể hiện tại vị trí (2) theo Bản vẽ hiện trạng 19228/DĐBĐ-CNTĐ ngày 23/03/2015); Phần Sân có diện tích 38,9m² do gia đình ông S sử dụng (thể hiện tại vị trí (5) theo Bản vẽ hiện trạng 19228/DĐBĐ-CNTĐ ngày 23/03/2015).

Do gia đình ông S không chứng minh được nguồn gốc khu đất là của gia đình ông. Gia đình ông S chỉ tự chiếm sử dụng diện tích đất tranh chấp khoảng từ năm 1993 cho đến nay, việc ông Huỳnh Văn C tranh chấp khu đất với ông Võ Thanh S là có cơ sở. Căn cứ Điều 99; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20; Điều 21 và Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C ban hành Quyết định 32/2017/QĐ-UBND. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C vẫn bảo lưu quan điểm với nội dung quyết định này. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Phương D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Võ Thanh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Minh S1 và ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông C, ông S1 trình bày:

Khu đất trên là do ông Huỳnh Văn Tr mua lại của ông Lê Văn L và đứng bộ theo Chứng thư số 2407 ngày 21/6/1929; số địa bộ 154 (cũ 572, 298) số Bản đồ 154, tờ Bản đồ thứ 5, tọa lạc tại xã Long Tr với diện tích 8.720m² loại đất trồng mía.

Ông Tr chết để đất lại cho con gái là Huỳnh Thị Nh và cháu là Huỳnh Văn C tiếp tục canh tác và sử dụng. Năm 1968, ông Lê Văn X là cháu của ông Lê Văn L có xin bà Nh và ông C2 được canh tác trên khu đất và giữ đất giùm. Năm 1975 – 1976, Nhà nước thành lập Tập đoàn, toàn Khu đất Hợp tác xã – Tập đoàn sử dụng để gieo mạ trồng lúa. Đến năm 1990 – 1991 Tập đoàn giải thể trả đất lại cho nhân dân tự túc canh tác và ông X lại tiếp tục canh tác. Năm 1993, bà Nh, ông C2 và ông X thỏa thuận giao trả bà Nh ông C2 một phần diện tích trong 8.720m² là 3.905,2m² thuộc thửa 939; 949 tờ Bản đồ số 8 (Tài liệu 02/TC-UB) thuộc Tam Đ xã Long Tr huyện Thủ Đ, nay thuộc thửa 36, thửa 42 tờ Bản đồ thứ 37 (Tài liệu 2003) thuộc khu phố Tam Đ, phường Long Tr, quận C. Sau khi bà Nh và ông C2 lấy lại đất, ông Võ Văn C1 xin canh tác. Năm 2002 Ông C1 chết, đến năm 2005 – 2006 ông Võ Thanh S có xin ông C2 cất chòi trên Khu đất để nuôi vịt và giữ đất dùm. Sau đó, ông C2 có đòi đất và ông S không đồng ý trả. Năm 2011, ông C2 có kiện ông S tại Ủy ban nhân dân phường Long Tr và Ủy ban giải quyết không thành. Tháng 11 năm 2014, ông C2 khiếu nại đòi ông S trả đất tại Ủy ban nhân dân quận C. Trong quá trình giải quyết Ủy ban nhân dân Quận C đã vận động gia đình C cho ông S phần diện tích mà ông S đã cất thành nhà ở là 205m². Từ cơ sở này Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C ban hành Quyết định 32/2017/QĐ-UBND. Gia đình ông C2 đồng ý với quyết định này và có cùng đề nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 749/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, Khoản 3 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116; điểm g Khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 158 và điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C và ông Võ Thanh S tại phường Long Tr, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/6/2020, người khởi kiện là ông Võ Thanh S kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Võ Thanh S trình bày: Ông Võ Thanh S cho rằng, nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước đây là của gia đình bà Nh, nhưng sau đó Tập đoàn giao cho ông Lê Văn X sử dụng. Năm 1993 ông Lê Văn X cho cha của ông Võ Thanh S là ông Võ Văn C1, khi cho không có giấy tờ mà chỉ nói miệng. Trước đây ông Võ Văn C1 nuôi vịt. Năm 2002 Ông C1 chết thì gia đình ông Võ Thanh S về sử dụng có trồng tràm vàng, tràm nước nhưng do ngập nước đã chết hết, hiện nay trên đất không còn cây và tài sản gì. Ông không có giấy tờ về nguồn gốc đất, nhưng đã sử dụng đất trên 30 năm. Ông Võ Thanh S yêu cầu ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Minh S1 cho ông Võ Thanh S thêm 500m² đất trong khu đất tranh chấp 2.725m² nữa thì ông Võ Thanh S rút đơn khởi kiện. Nếu ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Minh S1 không đồng ý thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh S; Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Gia đình ông Võ Thanh S không chứng minh được nguồn gốc khu đất là của gia đình ông Võ Thanh S. Từ năm 1993 cha của ông Võ Thanh S là ông Võ Văn C1 xin của bà Nh cho thả vịt trên khu đất này. Gia đình ông Võ Thanh S không đăng ký kê khai. Việc kê khai theo hồ sơ kỹ thuật năm 2004 có tên “Võ Văn C2” đăng ký. Tuy nhiên, người đăng ký là bà Huỳnh Thị Nh và ông Huỳnh Văn C chứ không phải “Võ Văn C2” và “Huỳnh Văn Nh” việc này do sai sót của cán bộ ghi thông tin đăng ký vì chỉ có việc ông Huỳnh Văn C đi đăng ký cùng với mẹ là bà Nh. Không bao giờ có việc bà Nh đưa ông C1 đi đăng ký đất vì theo ông Võ Thanh S thì ông C1 chết năm 2002. Việc khởi kiện của ông Võ Thanh S là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án

cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh S. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Gia H trình bày: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Trần Thế Kh trình bày: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Nhận thấy người khởi kiện là ông Võ Thanh S khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức) nhưng không có căn cứ khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Võ Thanh S là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh S. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí của người kháng cáo thực hiện đúng quy định của pháp luật đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc có đương sự ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Võ Thanh S còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

[2.2] Căn cứ Tờ báo ruộng năm 1929; Trích lục Địa bộ ngày 24/02/1956 và Trích sao sổ Địa bộ số 110/TS-VPĐK-LT ngày 25/5/2017 của Văn phòng

Đăng ký đất đai thành phố cấp cho ông Huỳnh Văn C thì khu đất có nguồn gốc do ông Huỳnh Văn Tr mua từ ông Lê Văn L và đứng bộ theo chứng thư số 2407 ngày 21/6/1929.

[2.3] Theo Đơn xin xác nhận nhân thân đề ngày 08/5/2019 của ông Huỳnh Văn C gửi Ủy ban nhân dân phường Phú L, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương thì ông Huỳnh Văn Tr là cha ruột của bà Huỳnh Thị Nh. Tại Biên bản xác minh ngày 13/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận C, Ủy ban nhân dân phường Long Tr xác định việc ghi tên Huỳnh Văn Nh là Huỳnh Thị Nh (mẹ của ông Huỳnh Văn C); Võ Văn C2 là Võ Văn C1. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C trình bày: ông Võ Văn C1 không đăng ký mà người đăng ký chính là bà Huỳnh Thị Nh và ông Huỳnh Văn C. Việc ghi sai họ của ông C2 từ “Huỳnh” sang “Võ” là do lỗi của cán bộ địa chính của địa phương lúc bấy giờ, không có việc bà Nh đi đăng ký cùng với ông C1, vì ông C1 chết năm 2002.

[2.4] Theo Báo cáo số 11/UBND ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân phường Long Tr gửi Ủy ban nhân dân quận C và Phòng Tài nguyên và Môi trường quận C, nguồn gốc và quá trình sử dụng khu đất như sau: Theo Tài liệu 299/TTg thì thửa đất số 31, 33, tờ bản đồ số 03 đất do Ủy ban nhân dân xã Long Tr tạm giao; Theo Tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 939, tờ bản đồ số 8, do ông Lê Văn Ch đăng ký và thuộc một phần thửa 949, tờ bản đồ số 8, do ông Lê Tấn Th đăng ký; Theo Tài liệu 2004 thuộc một phần thửa 42 tờ bản đồ số 37 đất do Huỳnh Văn Nh (Huỳnh Thị Nh) và Võ Văn C2 đăng ký. Khu đất do ông Lê Văn L canh tác từ năm 1919 đến năm 1956 bán lại cho ông Huỳnh Văn Tr (là ông ngoại của ông Huỳnh Văn C). Năm 1967, bà Nh và ông C2 đồng ý cho ông Lê Văn X xin canh tác giữ đất. Ông X canh tác đến năm 1977 đưa vào Tập đoàn số 01 để sản xuất và Tập đoàn giao lại cho ông Đức canh tác đến năm 1990 tập đoàn giải thể, ông X tiếp tục canh tác và đến năm 1993 ông X trả lại cho bà Nh, ông C2.

[2.5] Tại Biên bản làm việc ngày 21/12/1998, Ủy ban nhân dân phường Long Tr tiến hành hòa giải đất sản xuất giữa bà Huỳnh Thị H; bà Huỳnh Thị Nh và ông Lê Văn X. Tại phần kết luận của biên bản có nội dung “...*Năm 1993 qua thỏa thuận chia đôi diện tích phần bà H, bà Nh thuộc các thửa 939, 940, 941 tờ bản đồ số 8 CT02. Do người cháu là Lê Thị S làm và đắp bờ móng giữ nước để cấy...Qua vận động bên bà Nh đồng ý để cho ông X 2 thửa 940 và 941...còn phần lấn chiếm trả lại cho bà (thuộc một phần lô 939)...*”.

[2.6] Tại Biên bản làm việc ngày 20/6/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận C, các hộ dân sống gần khu đất có ý kiến như sau: Từ năm 1976, khu đất là đất trống do ông X canh tác; ông X canh tác sau đó khu đất đưa vào Tập đoàn. Khi Tập đoàn giải thể thì ông Võ Ngọc Đ canh tác, nhưng ông Đức chỉ canh tác một thời gian ngắn, ông X lại tiếp tục canh tác. Khoảng năm 1993, bà Nh có xin lại khu đất và ông X đồng ý trả lại cho bà Nh, nhưng địa phương không cho bà Nh đăng ký vì bà Nh là người ngoài tỉnh. Trong năm 1993, ông Võ Văn C1 liên hệ với bà Nh để xin được canh tác, trên Khu đất và ông C1 có cất chòi chăn nuôi. Đến khi ông C1 mất, ông Thanh S canh tác và cất nhà trên

khu đất để ở. Ý kiến các hộ dân là giữa Ông C1 và bà Nh có thỏa thuận việc cho sử dụng Khu đất.

[2.7] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên thì năm 1993 ông Lê Văn X đã trả lại phần diện tích đất 4.352m² cho bà Nh, trong đó có phần diện tích thuộc thửa 939, tờ bản đồ số 8 CT02 và ông X đã để cho bà Lê Thị S sử dụng đất để cấy. Giữa Ông C1 và bà Nh có thỏa thuận việc ông C1 được tạm sử dụng, canh tác trên khu đất của bà Nh.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Thanh S thừa nhận nguồn gốc đất là của gia đình bà Nh và không có chứng cứ để chứng minh cho việc Ông C1 đã được ông X hoặc bà Nh đã cho gia đình ông Võ Thanh S. Ông Võ Thanh S xác định phần đất này do cha mẹ ông là ông Võ Văn C1 và bà Lê Thị S sử dụng từ năm 1993, đến năm 2002 do cha ông Võ Thanh S chết nên ông mới bán căn nhà của ông Võ Thanh S tại số 7/32 khu phố Phước L, phường Long Tr, quận C để về đây sử dụng.

Ông Võ Thanh S cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C không xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông Võ Thanh S, vì khu đất này cha của ông Võ Thanh S là ông Võ Văn C1 đã được ông Lê Văn X đã tặng cho từ năm 1993 và gia đình ông Võ Thanh S trực tiếp sử dụng đất cho đến nay. Chứng cứ ông Võ Thanh S đưa ra là Biên bản làm việc ngày 21/12/1998 của Ủy ban nhân dân phường Long Tr.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử có động viên các đương sự hòa giải với nhau, ông Võ Thanh S có yêu cầu ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Minh S1 cho ông Võ Thanh S thêm 500m² đất nữa, ngoài phần đất 205,8m² mà gia đình ông Võ Thanh S được công nhận quyền sử dụng theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C, nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Minh S1 không đồng ý, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.9] Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định phải chứng minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, đăng ký kê khai và xác nhận của địa phương về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Ông Võ Thanh S không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh được chứng cứ về việc gia đình ông S được ông Lê Văn X tặng cho. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Thanh S xác định không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc khu đất tranh chấp gia đình ông Võ Thanh S đã được ông X cho tặng và chứng minh cho việc đã có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tranh chấp.

[2.10] Như vậy, Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C và ông Võ Thanh S tại phường Long Tr, quận C là có lợi cho gia đình ông Võ Thanh S. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ và tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia

phiên tòa, bác toàn bộ kháng cáo của bà ông Võ Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Thanh S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh S. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 749/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C và ông Võ Thanh S tại phường Long Tr, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Thanh S phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048352 ngày 12/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Thanh S phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091876 ngày 25/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NLQ; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh